

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/DS-ST

Ngày: 12-5-2026

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh

Ông Nguyễn Tấn Thúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 639/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-DS ngày 07/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2026/QĐST-DS ngày 21/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (sau đây viết tắt là: VP). Địa chỉ: Số 89 Láng H, phường Đồng Đ, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đức L – Chức vụ: Trưởng phòng của VP. Người được ủy quyền tham gia tố tụng gồm các ông (bà): Lê Văn T hoặc Nguyễn Văn C - Đều là cán bộ của VP; cùng địa chỉ: Tầng 4, số 112 Phan Chu Trinh, phường Hải Châu, TP.Đà Nẵng; có mặt ông C.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Huy B, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 1 đường Cách Mạng T8, phường Cẩm L, TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2025, Văn bản trình bày ý kiến, Bảng tóm tắt sao kê tính lãi, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V ông Nguyễn Văn C trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với ông Tạ Huy B có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 30/01/2018, với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, thời hạn thẻ là 05

năm, mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,39%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, ông Tạ Huy B có tăng hạn mức tín dụng thẻ 2 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 25/10/2018 tăng hạn mức thẻ lên số tiền 36.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 08/03/2019 tăng hạn mức thẻ lên số tiền 45.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng trên, ông Tạ Huy B đã rút tổng số tiền 106.443.491 đồng, nộp lại số tiền 113.110.000 đồng; trong đó trả nợ gốc là 63.546.917 đồng, trả lãi 46.450.533 đồng, trả phí 3.112.550 đồng, kỳ giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 12/3/2023 và vi phạm hợp đồng từ ngày đó đến nay. Từ ngày 12/4/2023 khoản vay của ông B chuyển sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. VP đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán nợ; tuy nhiên, ông Tạ Huy B vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Dư nợ các khoản vay tạm tính đến ngày 12/5/2026 của ông Tạ Huy B tại VP là 200.584.670đ (hai trăm triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng); nợ gốc 42.896.574 đồng, nợ lãi 157.688.096 đồng.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V yêu cầu Tòa án buộc ông Tạ Huy B trả số tiền 200.584.670đ (hai trăm triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi đồng); nợ gốc 42.896.574 đồng, nợ lãi 157.688.096 đồng tạm tính đến ngày 12/5/2026 và tiền lãi tiếp theo kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi tất toán xong khoản nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh kinh tế gia đình của ông B, Ngân hàng điều chỉnh tiền lãi của ông B về theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm lãi suất trong hạn, như vậy lãi suất quá hạn 150% là 30%/năm, tính từ ngày 12/4/2023 đến nay ngày 12/5/2026 là 1.125 ngày là 39.664.640đ (ba mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng), còn tiền gốc vẫn giữ nguyên là 42.896.574 đồng. Như vậy, ngân hàng yêu cầu ông B trả tổng số tiền là 82.561.214đ (tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm mười bốn đồng).

Bị đơn ông Tạ Huy B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết đã có ý kiến trình bày tại bản tự khai, Biên bản hòa giải như sau:

Ông Tạ Huy B xác định lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V là đúng. Ngày 30/01/2018 ông có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V để vay tiền, với số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Tạ Huy B có tăng hạn mức tín dụng thẻ 2 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 25/10/2018 tăng hạn mức thẻ lên số tiền: 36.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 08/03/2019 tăng hạn mức thẻ lên số tiền: 45.000.000 đồng.

Nhưng vào tháng 10/2023 ông B đã trả xong khoản nợ, không còn nợ tiền ngân hàng. Do đó, ngân hàng khởi kiện ông đòi số tiền 188.238.738đ (một trăm tám mươi tám triệu, hai trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm ba mươi tám đồng) tạm tính đến ngày 07/4/2026; trong đó, tiền nợ gốc thẻ là 42.896.574 đồng, nợ lãi là 145.342.164 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ ngày 08/4/2026 cho đến khi tất toán

xong khoản nợ cho ngân hàng là không có căn cứ nên ông không chấp nhận.

Ông B đề nghị ngân hàng cung cấp hồ sơ chứng minh ông còn nợ tiền. Ông B xác định khi nộp tiền cho ngân hàng, ngân hàng đã cấp giấy xác nhận đã tắt toán khoản vay nhưng do đã lâu, do đó ông đã hủy giấy tờ nên hiện nay không còn lưu giữ giấy tờ đã tắt toán khoản vay cho ngân hàng cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, bị đơn ông Tạ Huy B có nơi cư trú tại: Số 108 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Tạ Huy B, ông B nhận được các văn bản nhưng vắng mặt, hồ sơ đã có ý kiến trình bày của ông B. Phiên tòa đã được mở lại lần thứ hai nên quyền lợi của ông B đã được bảo đảm. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Tạ Huy B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khởi kiện ông Tạ Huy B, yêu cầu Tòa án buộc ông Tạ Huy B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ tạm tính đến tạm tính đến ngày 12/5/2026 là 82.561.214đ (tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm mười bốn đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 42.896.574 đồng, số tiền nợ lãi là 39.664.640đ (ba mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng) và đề nghị tiếp tục tính tiền lãi kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi tắt toán xong khoản vay cho ngân hàng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì thấy:

[2.1] Xét về số tiền nợ gốc 42.896.574 đồng thì thấy:

Ngày 30/01/2018 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với ông Tạ Huy B có ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (sau đây gọi tắt là: Hợp đồng), với hạn mức 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn thẻ là 05 năm, mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,39%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, ông Tạ Huy B có tăng hạn mức tín dụng thẻ 2 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 25/10/2018 tăng hạn mức

thẻ lên số tiền 36.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 08/03/2019 tăng hạn mức thẻ lên số tiền: 45.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã rút tổng số tiền 106.443.491 đồng, nộp lại số tiền 113.110.000 đồng; trong đó trả nợ gốc là 63.546.917 đồng, trả lãi 46.450.533 đồng, trả phí 3.112.550 đồng, kỳ giao dịch rút tiền cuối cùng là ngày 12/3/2023, từ ngày 12/4/2023 toàn bộ khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn.

Như vậy, tính đến ngày 12/4/2023 ông B còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 42.896.574 đồng ($106.443.491 \text{ đồng} - 63.546.917 \text{ đồng} = 42.896.574 \text{ đồng}$), ông B không thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền nợ gốc 42.896.574 đồng, nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào. Do đó, không có căn cứ xác định ông B đã trả xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V nên ngân hàng khởi kiện ông B đối với số tiền gốc 42.896.574 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét về số tiền lãi quá hạn 39.664.640 đồng thì thấy:

Theo thỏa thuận tại các hợp đồng ông B ký với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thì lãi suất các bên thỏa thuận là 2,39%/tháng, lãi suất quá hạn là 150%/lãi suất trong hạn (bằng 3,585%/tháng, tương đương 43,02%/năm).

Sau ngày 12/3/2023 ông B vi phạm toàn bộ khoản vay nên ông B phải chịu tiền lãi trong hạn, từ ngày 12/4/2023 khoản vay của ông B đã chuyển thành nợ quá hạn. Do đó, ngân hàng có quyền yêu cầu ông B trả tiền lãi quá hạn từ ngày 12/4/2023 đến nay ngày 12/5/2026 là 1.125 ngày là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngân hàng thay đổi mức áp dụng lãi đối với khoản vay của ông B, cụ thể điều chỉnh lãi suất vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm lãi suất trong hạn. Như vậy, lãi suất quá hạn 150% là 30%/năm, việc điều chỉnh tiền lãi là quyền của ngân hàng không vi phạm pháp luật, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vậy số tiền lãi của ông B phải trả cho ngân hàng là $(42.896.574đ \times 30\% \times 1.125 \text{ ngày}/365 \text{ ngày} = 39.664.640đ)$. Do đó, ngân hàng đề nghị ông B trả số tiền lãi trong hạn 39.664.640 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đối với ông B được Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể: Tổng tiền ông B phải thanh toán cho ngân hàng là 82.561.214đ (tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm mười bốn đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 42.896.574 đồng, số tiền nợ lãi là 39.664.640đ (ba mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/5/2026), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 42.896.574 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Tạ Huy B là đối tượng khuyết tật và đã có đơn xin miễn, giảm án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông B.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí 3.338.438 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006673 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 15 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103, Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V đối với bị đơn ông Tạ Huy B về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

2. Tuyên xử:

2.1. Buộc ông Tạ Huy B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V tổng số tiền nợ tính đến ngày 12/5/2026 là 82.561.214đ (tám mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm mười bốn đồng); trong đó, số tiền gốc 42.896.574 đồng, lãi quá hạn 39.664.640 đồng.

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 13/5/2026 ông Tạ Huy B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc 42.896.574 đồng chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tạ Huy B.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí 3.338.438 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0006673 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, ngày 12/5/2026.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Đường sự;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh

